

NGHỊ QUYẾT
**Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 2551/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản, các cơ quan nhà nước và tổ chức cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre

1. Đối tượng chịu phí: Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị quyết này là hoạt động khai thác cát, đất các loại và các loại khoáng sản phát sinh khác.

2. Cơ quan, tổ chức thu phí: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Mức thu phí

a) Mức thu phí cụ thể như sau:

- Cát san lấp: 4.000 đồng/m³;

- Đất sét, đất làm gạch, ngói: 2.000 đồng/m³;

- Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: 2.000 đồng/m³.

b) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Điểm a, Khoản 3 của Điều này.

c) Trường hợp có phát sinh, khai thác thêm các loại khoáng sản khác với các loại khoáng sản quy định tại Điểm a, Khoản 3 của Điều này giao cơ quan thu phí thu với mức thu tối đa tương ứng theo biểu khung mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

4. Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được để lại 100% cho các huyện, thành phố nơi có hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương, theo các nội dung cụ thể sau:

- Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Việc thu, nộp, cấp phát, sử dụng và quyết toán nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2019 và thay thế Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND

ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số loại phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi